

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Vi Văn Hải

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã P.**

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 23, Khu Tân Thành, phường Hùng Vương, TX. P, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Q, sinh năm 1963.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Tổ 23, Khu Tân Thành, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư Trường An, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2022 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là ông Phạm Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị Q đăng ký kết hôn năm 1987 tại UBND phường Trường Thịnh (nay là phường Hùng Vương), thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng ông bà về chung sống tại tổ 23, khu Tân Thành, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng

với nhau. Đến tháng 7/2019 mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 7 năm 2022 ông đã có đơn xin ly hôn với bà Q nhưng do bà Q không nhất trí ly hôn nên ngày 28/9/2022 ông đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn bất đồng ý kiến, không ngồi nói chuyện được với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trương Thị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vi Trương B, sinh ngày 24/10/1988 và Phạm Hà V, sinh ngày 02/9/1993. Hai con chung đều đã thành niên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

Bị đơn bà Trương Thị Q trình bày: Bà và ông Phạm Xuân C đăng ký kết hôn năm 1987 tại UBND phường Trường Thịnh (nay là phường Hùng Vương), thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng ông bà về chung sống tại tổ 23, khu Tân Thành, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C đi theo gái về nhà giã gạo vợ con. Về tình cảm bà không bỏ chồng mặc dù ông C ngoại tình dẫn đến tình cảm bà không còn với ông C. Khi bà phát hiện thông tin ông C có quan hệ tình cảm với người khác thì bà có chửi ông C, xưng “mày, tao” với ông C, đuổi ông C là “mày cút đi”. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa, bỏ mặc nhau. Nếu ông C muốn quay về ở với bà thì phải xin lỗi bà.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, Tư pháp phường Hùng Vương, Hội phụ nữ phường Hùng Vương, thị xã P:

Ông Phạm Xuân C và bà Trương Thị Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thịnh (nay là phường Hùng Vương) thị xã P trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Gần đây vợ chồng ông C, bà Q có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể thì khu dân cư báo cáo không biết. Từ tháng 7/2019, vợ chồng ông C, bà Q đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Ông C đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà Q vào tháng 7/2022. Sau đó ông C đã làm đơn rút đơn khởi kiện để vợ chồng cải thiện tình cảm nhưng không được. Nay ông C có đơn xin ly hôn bà Q, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp ly hôn giữa ông Phạm Xuân C và bà Trương Thị Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là ông phạm Xuân C.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:**

Ông Phạm Xuân C và bà Trương Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thịnh (nay là phường Hùng Vương), thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào năm 1987 đó là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không có tiếng nói chung. Tháng 7 năm 2022 ông C đã có đơn xin ly hôn với và Q nhưng do bà Q không nhất trí ly hôn nên ngày 28/9/2022 ông đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn bất đồng ý kiến, không ngồi nói chuyện được với nhau, không đoàn tụ được. Đồng thời qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng ông bà chung sống thì thấy rằng: Ông Phạm Xuân C và bà Trương Thị Q có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019.

Nay thấy vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài thì không có lợi cho cả hai bên, ông C cương quyết xin ly hôn với bà Q vì tình cảm không còn, quá trình giải quyết vụ án bà Q đã trình bày không còn tình cảm với ông C, bà Q cũng không có biện pháp gì phù hợp để thuyết phục ông C về đoàn tụ với bà. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và xử cho ông C được ly hôn với bà Q.

[3] **Về con chung:** Ông C và bà Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vi Trương B, sinh ngày 24/10/1988 và Phạm Hà V, sinh ngày 02/9/1993. Hai con chung đã thành niên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, công nợ chung:** Quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà Q đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ việc khác.

[5] *Về công sức đóng góp gia đình*: Ông C và bà Q đều xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông Phạm Xuân C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho ông Phạm Xuân C được ly hôn bà Trương Thị Q.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Vi Trương B, sinh ngày 24/10/1988 và Phạm Hà V, sinh ngày 02/9/1993. Cả hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về công sức: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Xuân C được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã P;
- UBND phường Hùng Vương, thị xã P,
- tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi